

Bản án số: 04/2019/DS-ST

Ngày: 28/6/2019

V/v: "*Tranh chấp về chia thừa kế tài sản theo pháp luật*",
"*Hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Minh Linh

2. Ông Đinh Niệm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Anh Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa: Ông Tài Đại Diện – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLST-DS ngày 17/12/2018 về việc "*Tranh chấp về chia thừa kế tài sản theo pháp luật*", "*Hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-DS ngày 14/6/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1946 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thái V, sinh năm 1971 (có ý kiến xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1969;

2. Bà Nguyễn Thị Thái L, sinh năm 1967;

3. Bà Nguyễn Thị Thái D, sinh năm 1975;

4. Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1977;

5. Bà Nguyễn Thị Thái T, sinh năm 1979;

6. Bà Nguyễn Thị Thái Q, sinh năm 1981;

7. Bà Nguyễn Thị Thái T, sinh năm 1983;

8. Bà Nguyễn Thị Thái T, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận

Ông H, bà D, ông H, bà T, bà Q, bà T, bà T ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng tại văn bản ủy quyền ngày 18/4/2018 và ngày 12/6/2019, ngày 17/6/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2018, trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Thái B là vợ chồng (ông B chết năm 2016) có tạo lập được một căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích 446m² đất thuộc thửa số 276, tờ bản đồ số 13d tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 417894 ngày 31/8/2006 cho hộ ông Nguyễn Thái B và bà Nguyễn Thị N. Trước khi chết, ông B không để lại di chúc. Nay bà yêu cầu Tòa án phân chia tài sản là căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 446m². Bà yêu cầu được nhận ½ căn nhà cấp 4 cùng diện tích đất 223m², còn lại ½ căn nhà cấp 4 và diện tích đất 223m² chia đều cho 10 người trong đó có bà và 09 người con. Hiện nay bà và con gái Nguyễn Thị Thái D sinh sống tại ngôi nhà này. Trên đất có ngôi nhà tạm của chị Nguyễn Thị Thái T đang cất nhà để bán tạp hóa. Nếu sau này tòa án phân chia thừa kế thì chị T sẽ tự nguyện tháo dỡ nhà tạm. Bà muốn được nhận kỷ phần là nhà và đất để thuận tiện cho việc sinh sống vì hiện nay bà cũng già, không còn chỗ ở nào khác, tám người con cũng đã có chỗ ở ổn định. Nếu một trong những người con không đồng ý nhận đất thì bà đồng ý hoàn trả giá trị tương đương với kỷ phần thừa kế được hưởng cho người con đó.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thái V trình bày:

Về nguồn gốc tài sản đang tranh chấp là do vợ chồng ông Nguyễn Thái B và bà Nguyễn Thị N tạo lập. Ông B và bà N sinh được 10 người con nhưng có 01 người đã chết từ lúc nhỏ, còn lại 09 người như hiện nay, trước khi chết ông B không để lại di chúc, không tặng cho riêng một người con nào. Hiện nay bà đang có chỗ ở ổn định tại thôn Đ, xã H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Bà muốn giữ lại tài sản là căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích 446m² đất để làm nơi thờ cúng ông bà nên bà không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật. Vì bận công việc và cũng không tranh chấp tài sản với bà Nguyễn Thị N nên bà có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử. Nếu tòa có phân chia thừa kế thì bà cũng không đồng ý nhận đất hoặc nhận tiền.

- Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Thái L trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của bà Nguyễn Thị N về thời điểm ông B chết, về quan hệ huyết thống và di sản ông B để lại như trên là đúng. Nay đề báo hiệu cho bà Nguyễn Thị N, tám người con còn lại nếu được hưởng kỷ phần thừa kế từ ông Nguyễn Thái B thì tám người con tặng cho lại bà Nguyễn Thị N mà không kèm theo điều kiện gì. Bà cũng không đồng ý nhận giữ số tiền do bà N hoàn trả cho bà V. Sau này số tiền trên sẽ được gửi vào tài khoản của cơ quan thi hành án, bà V có trách nhiệm liên hệ với cơ quan thi hành án để nhận.

Tại phiên tòa nguyên đơn không thay đổi yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được nội dung vụ án. Theo biên bản định giá tài sản lập ngày

14/5/2019 thể hiện thửa đất số 276, tờ bản đồ số 13d, tọa lạc tại xã Hộ Hải có chiều ngang cạnh hướng Nam là 21,1m có giá chuyển nhượng thực tế là: 21,1 x 25.000.000 đ/m ngang = 527.000.000 đồng. Vật kiến trúc và cây lâu năm có trên đất có trị giá là 100.098.605 đồng. Tổng giá trị tài sản là 627.098.605 đồng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải thể hiện:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nhượng được quyền quản lý, sử dụng lô đất diện tích 446m² (trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 146m² đất nông nghiệp) gắn liền với căn nhà cấp 4c, cây lâu năm thuộc thửa 276 tờ bản đồ 13d, tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Thái V số tiền: 31.354.930 đồng.

- Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Đề nghị HĐXX buộc các đương sự phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm và các chi phí khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “...*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế...*”. Ông Nguyễn Thái B chết ngày 06/10/2016 tính đến ngày 09/12/2018 bà Nguyễn Thị N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của ông Nguyễn Thái B để lại vẫn còn trong thời hạn quy định nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Tài sản tranh chấp và các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện Ninh Hải. Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về chia thừa kế tài sản theo pháp luật*”, “*Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Thái V tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do và bà có ý kiến xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ

luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thái V là phù hợp pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận: ông Nguyễn Thái B mất vào ngày 06/10/2016, ông và bà Nguyễn Thị N không có con riêng, con nuôi nào khác. Ông B không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nào. Cha mẹ ruột ông B đã chết. Ngoài tài sản trên thì không còn tài sản khác để chia thừa kế theo pháp luật. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Thái B còn sống tới thời điểm mở thừa kế là: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Thái L, ông Nguyễn Thái H, bà Nguyễn Thị Thái V, bà Nguyễn Thị Thái D, bà Nguyễn Thị Thái T, bà Nguyễn Thị Thái Q, bà Nguyễn Thị Thái T, bà Nguyễn Thị Thái T và ông Nguyễn Thái H.

[3] Về nguồn gốc tài sản: Theo các tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp thể hiện là căn nhà cấp 4c gắn liền với thửa đất số 276, tờ bản đồ số 13d có diện tích 446m² do vợ chồng ông Nguyễn Thái B và bà Nguyễn Thị N cùng tạo lập trước năm 1975. Xét thấy diện tích 446m² đất gắn liền với căn nhà cấp 4 là tài sản chung của vợ chồng bà N và ông B đóng góp trong thời kỳ sống chung với nhau nên $\frac{1}{2}$ số tài sản trên là kỷ phần thừa kế chưa được chia của ông B. Còn lại $\frac{1}{2}$ số tài sản trên là của bà N. Do ông B không để lại di chúc nên căn cứ Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015 diện tích 223m² đất gắn liền $\frac{1}{2}$ căn nhà cấp 4 được chia theo pháp luật tương đương trị giá tài sản là 313.549.302 đồng

[4] Phân chia di sản thừa kế: 223m² đất gắn liền với $\frac{1}{2}$ căn nhà cấp 4 được chia đều cho 10 kỷ phần gồm: bà N và 09 người con của ông B $223m^2:10 = 22,3m^2$. Hội đồng xét xử xét thấy bà N hiện nay tuổi cao sức yếu, bà sinh sống từ đó đến nay cùng chị Nguyễn Thị Thái D là người bị di chúc bẩm sinh, ngoài ra bà cũng không còn chỗ ở nào khác. Nếu diện tích 223m² chia bằng hiện vật cho 10 người thì mỗi người chỉ được 22,3m² đất. Diện tích này cũng quá nhỏ so với điều kiện sinh sống ở thôn quê. Mặt khác tám người con còn lại đồng ý tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế được hưởng từ ông B cho bà Nguyễn Thị N và bà N cũng đồng ý nhận, riêng bà V thì không đồng ý tặng cho và chia thừa kế. Nhận thấy đây là sự tự nguyện tặng cho tài sản và không trái pháp luật của tám người con nên công nhận. Vì vậy, phần diện tích đất của bà N được hưởng thừa kế theo pháp luật là 200,7m² (cách tính: $22,3m^2 \times 9$). Xét điều kiện của chị V đang có chỗ ở ổn định, như Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên nếu chia đất bằng hiện vật cho chị V thì sẽ manh mún. Do vậy chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà N có trách nhiệm hoàn trả lại giá trị tương đương với kỷ phần bà V được nhận là: 31.354.930 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thái T có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ căn nhà tạm, diện tích 13,5m², tường xây gạch tấp lờ, bên trong quét vôi, bên ngoài quét xi măng, nền láng xi măng, mái tole, kèo gỗ.

[5] Như vậy HĐXX quyết định chia đất như sau:

- Chia cho bà Nguyễn Thị N được quyền quản lý, sử dụng lô đất diện tích 446m² (trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 146m² đất nông nghiệp) gắn liền với căn nhà cấp 4c thuộc thửa 276 tờ bản đồ 13d, tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Thái V số tiền: 31.354.930 đồng.

Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 276 tờ bản đồ 13d tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện Ninh Hải.

Từ những phân tích xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về chi phí thẩm định, định giá và chi phí trích lục: Bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá và trích lục là 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Bà N đã nộp đủ chi phí trên.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị N thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thái V phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận là $31.354.930 \text{ đồng} \times 5\% = 1.567.746 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 459, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 điều 12; Điều 26; Khoản 7 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật và chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị N và những người liên quan.

- Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị N và những người liên quan.

- Chia cho bà Nguyễn Thị N được quyền quản lý, sử dụng lô đất diện tích 446m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở nông thôn và 146m^2 đất nông nghiệp) gắn liền với căn nhà cấp 4c, cây lâu năm thuộc thửa 276 tờ bản đồ 13d, tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Thái V số tiền: 31.354.930 đ (Ba mươi một triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 276 tờ bản đồ 13d tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện Ninh Hải.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị N thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thái V phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm 1.567.746 đ (Một triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng).

(Kèm theo trích sao bản đồ địa chính ngày 18/6/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh Ninh Hải).

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận
- VKSND huyện Ninh Hải;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi Cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

Trần Thị Thu Hằng

Thành viên Hội Đồng Xét Xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Minh Linh

Đinh Niệm

Trần Thị Thu Hằng

